

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	1
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	1
1.1.1.1 Khái niệm.....	1
1.1.1.2 Đặc điểm.....	1
1.1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2.1 Yêu cầu quản lý.....	2
1.1.2.2 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.3.1 Phân loại nguyên vật liệu.....	3
1.1.3.2 Tính giá nguyên vật liệu.....	4
1.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	7
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	7
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	8
1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	9
1.3 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	11
1.3.1 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	11
1.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	14
1.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	17
1.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	19
1.5.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	19
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	20
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	21

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	22
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM.....	24
2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	24
2.1.1 Lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	24
2.1.2 Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	25
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	25
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	25
2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	26
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty.....	26
2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.....	27
2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.....	27
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	28
2.2.1 Đặc điểm, phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	28
2.2.1.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.....	28
2.2.1.2 Tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	29
2.2.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.....	31
2.2.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	39
2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng.....	39
2.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng.....	39
2.2.4.3 Quy trình hạch toán.....	39

2.2.4.4 Ví dụ minh họa.....	40
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM.....	47
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.....	47
3.1.1 Ưu điểm.....	47
3.1.2 Hạn chế.....	50
3.2. Một số biện pháp về kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	51
3.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư.....	52
3.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	55
3.2.3 Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	56
3.2.4 Hoàn thiện việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho.....	58
3.2.5. Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán.....	60
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	64
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	66

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	8
Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	9
Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	11
Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu theo Phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ số 1.5: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	16
Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	19
Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái....	20
Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ....	21
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ....	22
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính....	23
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	25
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	26
Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	27
Sơ đồ 2.4 . Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....	32

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.....40

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: HOÁ ĐƠN GTGT.....	33
Biểu số 2.2: PHIẾU NHẬP KHO.....	34
Biểu số 2.3: PHIẾU XUẤT KHO.....	35
Biểu số 2.4: THẺ KHO.....	36
Biểu số 2.5: SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA).....	37
Biểu số 2.6: BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA.....	38
Biểu số 2.7: HOÁ ĐƠN GTGT.....	41
Biểu số 2.8: PHIẾU NHẬP KHO.....	42
Biểu số 2.9: GIẤY BÁO NỢ.....	43
Biểu số 2.10: PHIẾU XUẤT KHO.....	44
Biểu số 2.11: SỔ NHẬT KÝ CHUNG.....	45
Biểu số 2.12: SỔ CÁI.....	46
Biểu 3.1: SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ.....	54
Biểu 3.2: SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ.....	55
Biểu số 3.3: BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO.....	58
Biểu số 3.4: BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA.....	59

LỜI MỞ ĐẦU

➤ **Tính cấp thiết của đề tài**

Quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp bao gồm các khâu chính là thu mua vật tư, sản xuất sản phẩm và khâu cuối cùng là khâu tiêu thụ sản phẩm. Bất kỳ một khâu nào của quá trình sản xuất đều có tầm quan trọng riêng của nó và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nói chung đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Nguyên vật liệu tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với tư cách là đối tượng lao động. Đây là một trong ba yếu tố cơ bản nhất của quá trình sản xuất kinh doanh đặc biệt là đối với công ty sản xuất sản phẩm. Sự ổn định về yếu tố đầu vào là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục trong thời buổi kinh tế thị trường. Đối với các doanh nghiệp sản xuất như Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm thì sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả chính là một yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp sản xuất hiệu quả, nâng cao chất lượng sản phẩm với mức giá thành hợp lý. Với mục tiêu đạt hiệu quả cao trong quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp sản xuất phải luôn được coi trọng. Đội ngũ kế toán công ty đã làm khá tốt công tác này, tuy nhiên trên thực tế quy trình quản lý, cấp phát và hạch toán kế toán nguyên vật liệu của công ty vẫn chưa hoàn thiện, để thực sự đáp ứng kịp thời được nhu cầu quản lý của các cấp lãnh đạo và tiết kiệm tối đa chi phí nguyên vật liệu cho doanh nghiệp. Đề tài này được hình thành từ nhận định trên và hy vọng sẽ đưa ra được các biện pháp thiết thực về kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm .

➤ **Mục đích nghiên cứu của đề tài**

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Phản ánh thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ

phần công nghiệp nhựa Phú Lâm, từ đó có những đánh giá, phân tích khách quan.

- Đưa ra một số giải pháp về kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.

➤ **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

- Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.
- Về thời gian: từ ngày 21/04/2014 đến ngày 30/07/2014.
- Về dữ liệu nghiên cứu: được thu thập vào năm 2013 từ phòng kế toán của Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm.

➤ **Câu hỏi nghiên cứu:**

Có hai câu hỏi nghiên cứu được đặt ra trong đề tài nghiên cứu này:

1.Kế toán nguyên vật liệu và công tác quản lý nguyên vật liệu tại doanh nghiệp sản xuất được thực hiện như thế nào?

2.Tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm công tác quản lý nguyên vật liệu được thực hiện như thế nào và đã hiệu quả chưa?

➤ **Phương pháp nghiên cứu:**

- ✓ Đề tài sử dụng các phương pháp kế toán như phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối để đưa ra các minh chứng khi mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm .
- ✓ Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu và tham khảo ý kiến chuyên gia trong đó nghiên cứu các tài liệu, giáo trình về kế toán nguyên vật liệu, tài liệu về hoạt động kinh doanh, chứng từ, sổ sách kế toán... của Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm, tham khảo ý kiến của giám đốc, kế toán trưởng công ty.

➤ **Dự kiến kết quả nghiên cứu của đề tài:**

- Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Là tài liệu chuyên ngành kế toán và quản trị phục vụ cho các môn học như: kế toán tài chính, kế toán quản trị, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh...

- Những đóng góp liên quan đến DN:

Những giải pháp đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng trong doanh nghiệp.

➤ **Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

-Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

-Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

-Chương 3: Một số giải pháp về kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

Sinh viên

Ngô Thị Ngoan

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm

Theo chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho (Ban hành theo QĐ 149/2001/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001) hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

(Bộ Tài chính, 2009) [4].

Như vậy nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hóa như: hạt nhựa trong doanh nghiệp sản xuất đồ nhựa, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí...

1.1.1.2 Đặc điểm

Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu có những đặc điểm sau:

+ Về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một quá trình sản xuất kinh doanh nhất định. Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh dưới tác động của lao động và tư liệu lao động nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo thành thực thể của sản phẩm.

+ Về mặt giá trị: Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

Như vậy xét trên phương diện giá trị và hiện vật, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu của bất cứ quá trình sản xuất kinh doanh

nào. Dưới hình thái hiện vật nó biểu hiện là một bộ phận quan trọng của sản phẩm lao động. Còn dưới hai hình thái giá trị nó là thành phần quan trọng của vốn lưu động.

1.1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.2.1 Yêu cầu quản lý

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, lợi nhuận đã trở thành mục đích cuối cùng của sản xuất kinh doanh. Mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí và lợi nhuận ngày càng được quan tâm. Vì thế các doanh nghiệp đều ra sức tìm con đường giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Do vậy với tỷ trọng chiếm khoảng 60-70% tổng chi phí, nguyên vật liệu cần được quản lý thật tốt. Nếu doanh nghiệp biết sử dụng nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý thì sản phẩm làm ra càng có chất lượng tốt mà giá thành lại hạ tạo ra môi trường quan có lợi cho doanh nghiệp trên thị trường. Quản lý nguyên vật liệu càng khoa học thì cơ hội đạt hiệu quả kinh tế càng cao. Với vai trò như vậy nên yêu cầu quản lý nguyên vật liệu cần chặt chẽ trong tất cả các khâu từ khâu thu mua, dự trữ và bảo quản đến khâu sử dụng.

**** Trong khâu thu mua***

Các doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành thu mua nguyên vật liệu để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp. Tại đây đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về khối lượng, quy cách, chủng loại và giá cả.

**** Trong khâu dự trữ và bảo quản***

Để quá trình sản xuất được liên tục phải dự trữ nguyên vật liệu đầy đủ, không gây gián đoạn sản xuất nhưng cũng không được dự trữ quá lượng cần thiết gây ứ đọng vốn, tổn diện tích. Đồng thời phải thực hiện đầy đủ chế độ bảo quản theo tính chất lý hoá học của vật liệu.

**** Trong khâu sử dụng***

Doanh nghiệp cần tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá nguyên vật liệu có trong giá vốn của thành phẩm. Do vậy trong khâu sử dụng phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả

1.1.2.2 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Vật liệu là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm, chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm cho nên yêu cầu quản lý vật liệu và công tác tổ chức vật liệu là hai điều kiện cơ bản luôn song hành cùng nhau. Hạch toán vật liệu có chính xác, kịp thời, đầy đủ thì lãnh đạo mới nắm được chính xác tình hình thu mua, dự trữ, và sử dụng vật liệu cả về kế hoạch và thực hiện, từ đó có những biện pháp thích hợp trong quản lý. Mặt khác tính chính xác, kịp thời của công tác hạch toán vật liệu sẽ giúp cho việc hạch toán giá thành của doanh nghiệp chính xác. Xuất phát từ yêu cầu quản lý vật liệu, vị trí và đặc điểm của vật liệu, công tác hạch toán có những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chủng loại và tình hình thực tế của vật liệu nhập kho.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác số lượng và giá trị vật liệu xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao vật liệu.

- Phân bổ hợp lý giá trị vật liệu sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.

- Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và vật liệu tồn kho, phát hiện kịp thời vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế đến mức tối đa có thể xảy ra.

1.1.3 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.3.1 Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp, vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hoá khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu. Tuỳ theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo các cách khác nhau:

****Phân loại theo công dụng của nguyên vật liệu gồm có:***

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo đảm đóng gói phục vụ cho quá trình lao động.

- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể khí, lỏng, rắn.

- Phụ tùng thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ, và vật kết cấu dùng để lắp đặt công trình xây dựng cơ bản.

*** Phân loại theo nguồn hình thành gồm có:**

- Vật liệu tự chế biến, thuê gia công: là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- Vật liệu mua ngoài: là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- Vật liệu khác: là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

*** Phân loại theo mục đích sử dụng gồm có:**

- Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm.

- Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

Ngoài cách phân loại nguyên vật liệu như trên, để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật tư. Lập danh điểm vật tư là quy định cho mỗi thứ vật liệu một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số (kết hợp với các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Tùy theo từng nghiệp vụ hệ thống danh điểm vật tư có thể được xây dựng theo nhiều phương thức

khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp, có sự thống nhất về tên gọi, mã hiệu quy cách, đơn vị, giá hạch toán của nguyên vật liệu.

1.1.3.2 Tính giá nguyên vật liệu.

❖ *Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho.*

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định. Áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính: " Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được". (Bộ Tài chính, 2009) [4].

Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

* Đối với nguyên, vật liệu mua ngoài:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hoá đơn} + \text{Chi phí thu mua} + \text{Các khoản thuế không được hoàn lại} - \text{CKTM, Giảm giá hàng mua}$$

Nếu nguyên vật liệu được mua từ nước ngoài, thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

*Đối với nguyên, vật liệu tự chế biến:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \text{Giá thành sản xuất vật liệu} + \text{Chi phí chế biến}$$

* Đối với nguyên, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \frac{\text{Giá thực tế của vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến}}{\text{Giá thực tế của vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến}} + \frac{\text{Chi phí thuê ngoài gia công chế biến}}{\text{Chi phí thuê ngoài gia công chế biến}} + \text{Chi phí vận chuyển (nếu có)}$$

* Đối với nguyên, vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \frac{\text{Giá trị vốn góp do hội đồng định giá đánh giá}}{\text{Giá trị vốn góp do hội đồng định giá đánh giá}} + \text{Chi phí liên quan đến tiếp nhận}$$

❖ **Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.**

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho, doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán. (Bộ Tài chính, 2009) [4].

- **Phương pháp giá thực tế đích danh:** Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Áp dụng cho doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít và nhận diện từng lô hàng. Phương pháp này có ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại. Nhưng trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng nhập – xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết nguyên vật liệu sẽ rất phức tạp.

- **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua sắm hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Trị giá vật liệu xuất kho = Số lượng vật liệu xuất x Đ.giá bình quân gia quyền

Đơn giá bình quân cả kỳ: Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật tư nhập trong kỳ}}$$

Số lượng vật tư tồn đầu kỳ + Số lượng vật tư nhập trong kỳ

Đơn giá bình quân liên hoàn (đơn giá bình quân di động): Phương pháp này cho giá vật liệu xuất kho chính xác, phản ánh được kịp thời sự biến động của giá cả hàng tồn kho, công việc tính giá được tiến hành đều đặn.

$$\text{Đơn giá BQ liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá VT tồn trước lần nhập } i + \text{Trị giá VT nhập lần } i}{\text{Số lượng VT tồn trước lần nhập } i + \text{Trị giá VT nhập lần } i}$$

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):** Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập trước thì được xuất dùng trước và đơn giá xuất tính theo đơn giá của những lần nhập trước. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):** Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập sau được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

1.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một trong những đối tượng kế toán cần phải tổ chức hạch toán chi tiết không chỉ về mặt giá trị mà cả về số lượng, không chỉ theo từng kho mà còn chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập xuất tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư. Tùy vào đặc điểm của từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp dưới đây:

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

- **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi số số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ đó. Cuối tháng, thủ kho

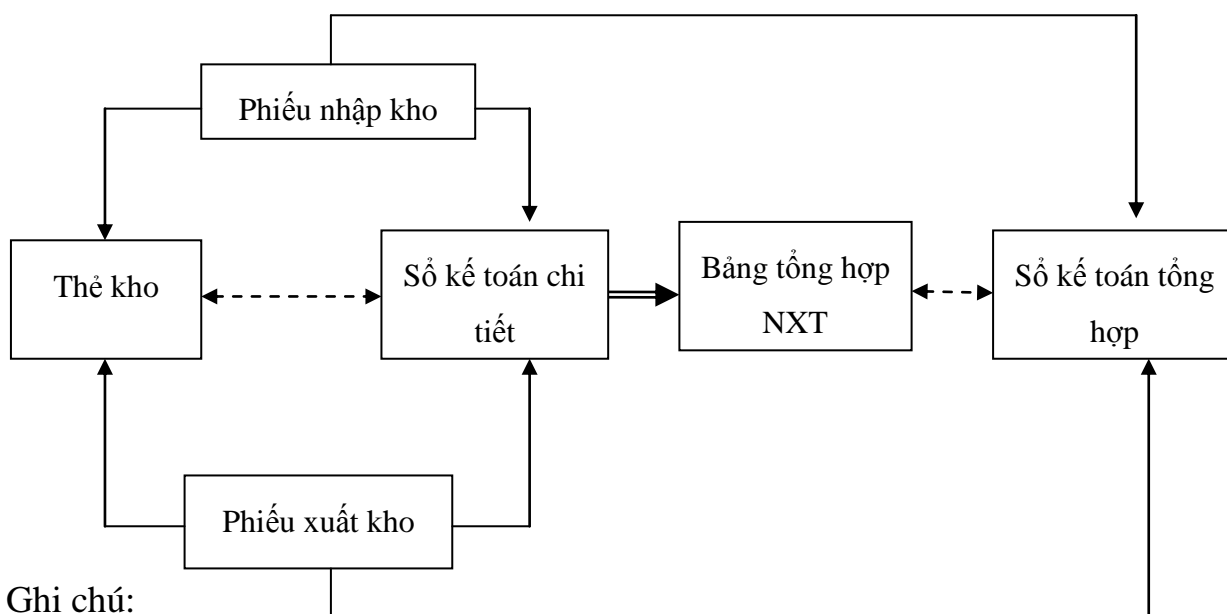
tính ra tổng số nhập, xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên thẻ kho và đối chiếu số liệu với kế toán chi tiết vật tư.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ và vào sổ chi tiết vật liệu. Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn kho của từng loại nguyên vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

- Phương pháp này có ưu điểm ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu. Nhưng có nhược điểm là việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng ghi chép còn nhiều.

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp

thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: ==>

Đối chiếu: <-.-.->

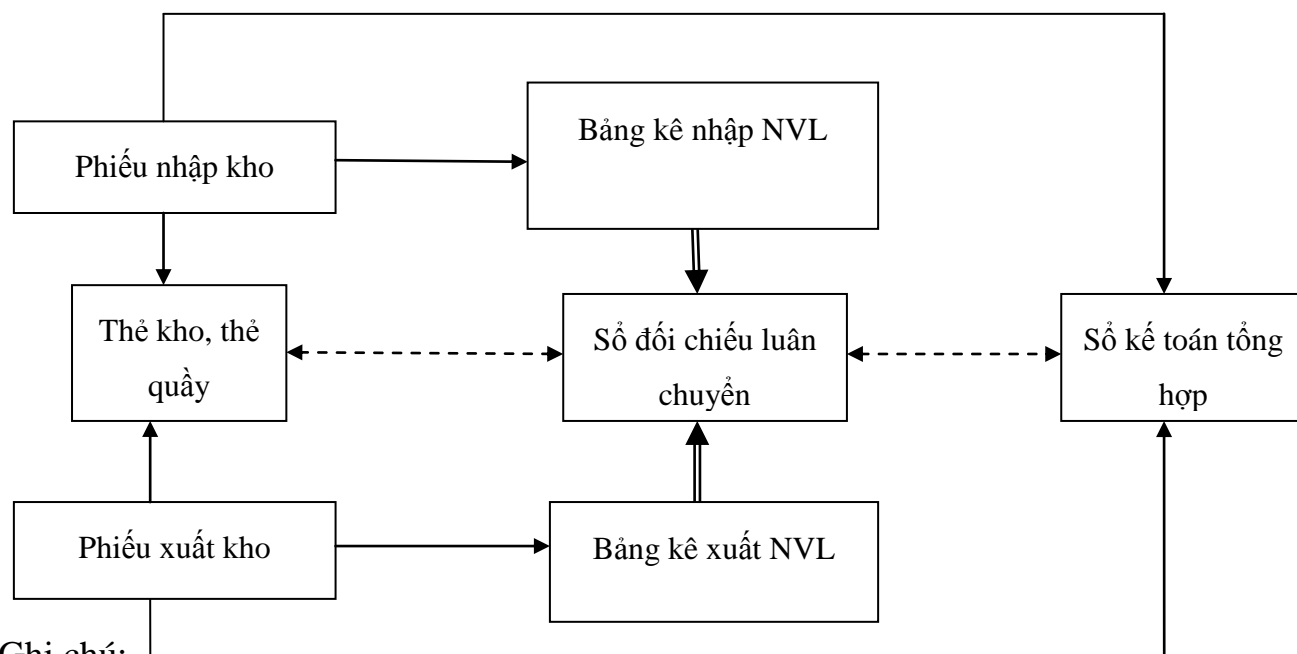
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp thẻ song song.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho, cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập Bảng kê nhập vật liệu, Bảng kê xuất vật liệu. Rồi ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối kỳ đối chiếu số lượng nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

- Phương pháp này có ưu điểm là khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nhưng có nhược điểm là ghi sổ trùng lặp giữa kho và kế toán về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành được vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: =========>

Đối chiếu: <----->

1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

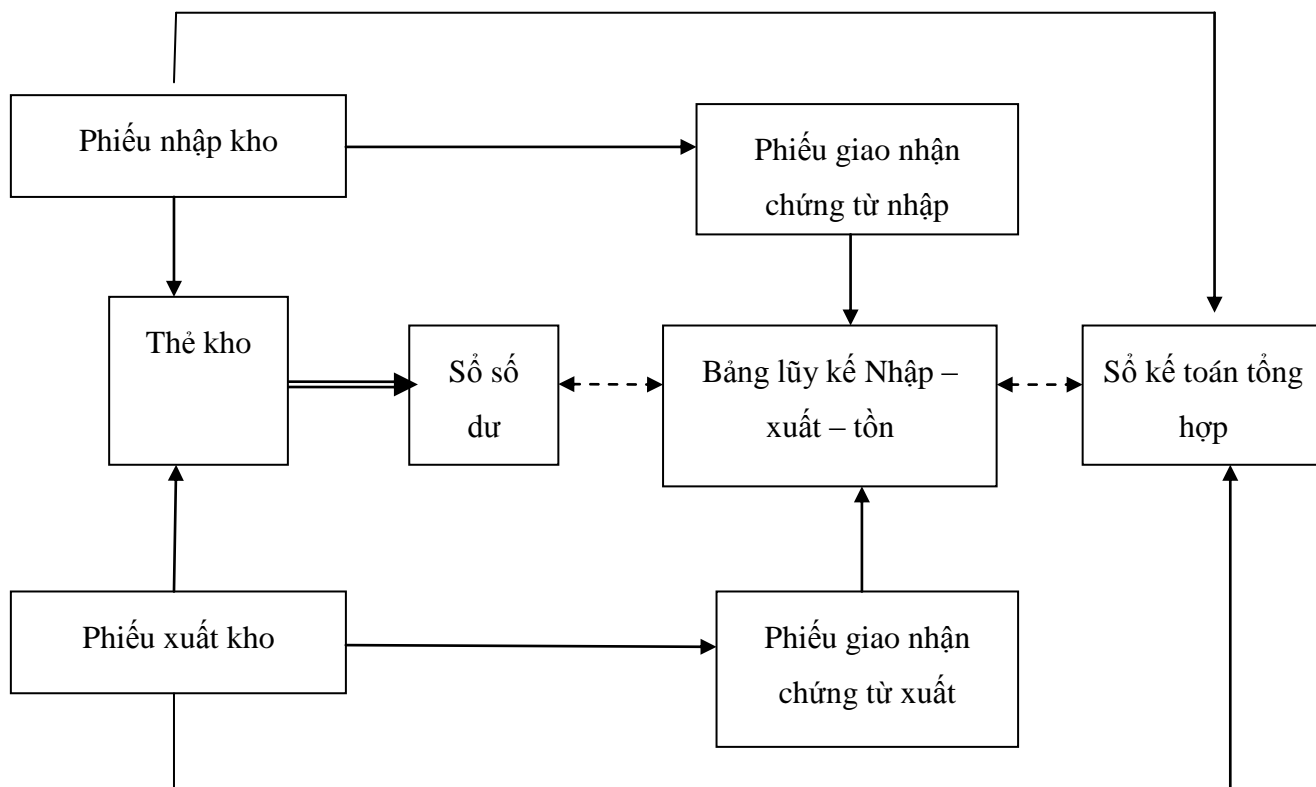
- Tại kho : Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng nguyên vật liệu nhập xuất kho. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh theo từng nguyên vật liệu quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng nguyên vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm nguyên vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- Tại phòng kế toán : Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ (giá hạch toán) tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm nguyên vật liệu (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm nguyên vật liệu. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư.

- Phương pháp này có ưu điểm là hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán được chính xác, kịp thời. Nhưng lại có nhược điểm là không biết được sự biến động của từng thứ nguyên vật liệu, việc kiểm tra, phát hiện sai sót, nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: =========>

Đôi chiếu: <-.-.-.->

1.3 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn vật liệu trên sổ kế toán. Sử dụng phương pháp này có thể tính được trị giá vật tư nhập, xuất, tồn tại bất kỳ thời điểm nào trên sổ tổng hợp. Trong phương pháp này, tài khoản nguyên vật liệu được phản ánh theo đúng nội dung tài khoản tài sản. Phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có giá trị nguyên vật liệu lớn.

❖ **Tài khoản sử dụng.**

*Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu" :

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế. Kết cấu TK 152:

- **Bên Nợ:**

+ Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

- **Bên Có:**

+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn;

+ Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc giảm giá hàng mua;

+ Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng;

+ Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

- **Số Dư Bên Nợ:** Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

(Bộ Tài chính, 2009) [1].

*Tài khoản 151 "Hàng mua đi đường" :

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho. Kết cấu TK 151:

- **Bên Nợ** : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.

- **Bên Có** : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

- **Số Dư Bên Nợ** : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

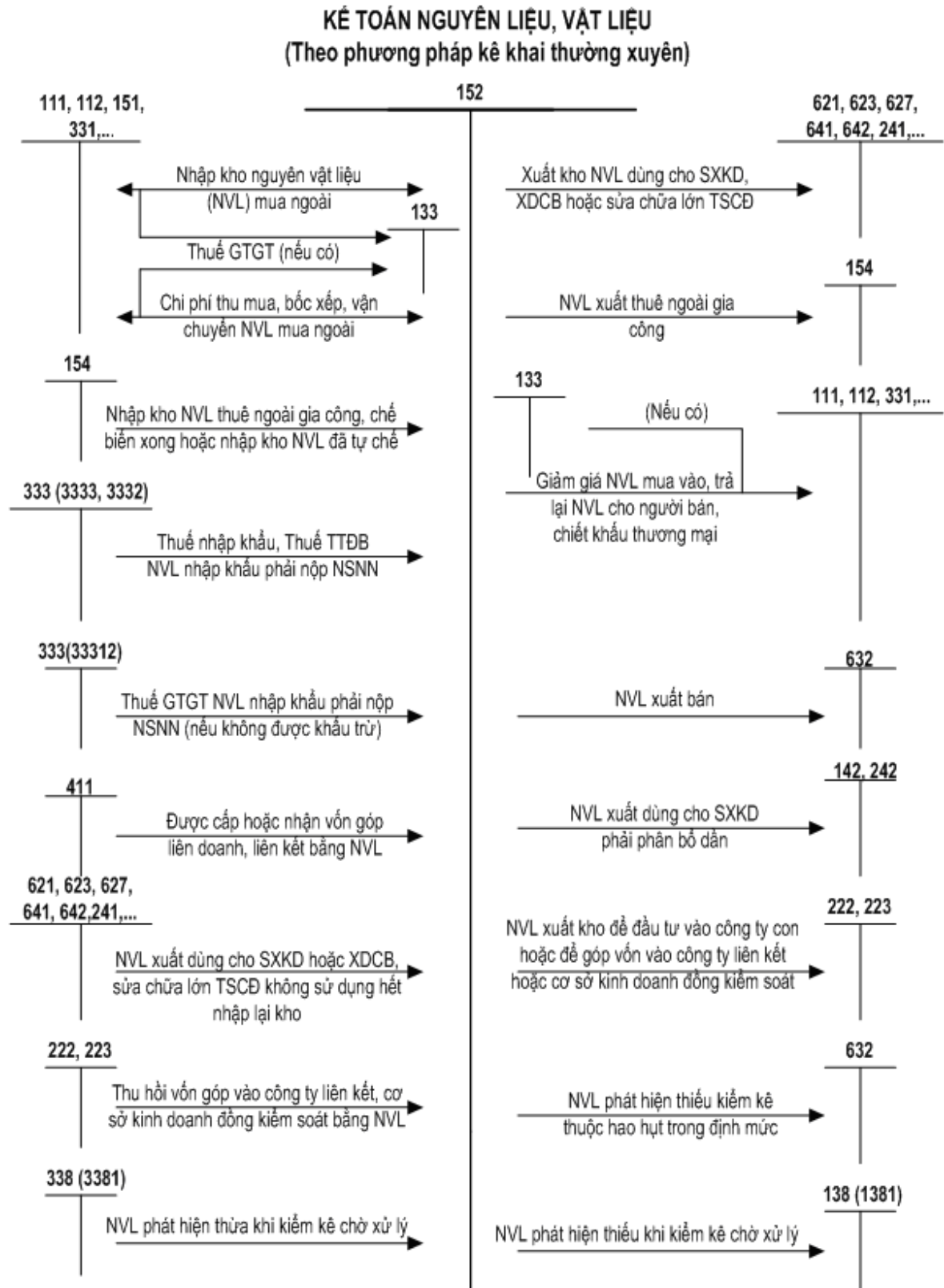
(Bộ Tài chính, 2009) [1].

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515...

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu theo Phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hoá đã xuất.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Tổng giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} \\ \text{tư xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{mua vào trong kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép và thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

❖ *Tài khoản sử dụng.*

*Tài khoản 611 "Mua hàng" :

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ. Kết cấu TK 611:

- *Bên Nợ:*

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại.

- *Bên Có:*

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê);

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ);

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

- Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 6111 "Mua nguyên vật liệu"

+ TK 6112 "Mua hàng hoá"

(Bộ Tài chính, 2009) [1].

*Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu" :

Dùng để phản ánh thực tế nguyên vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại. Kết cấu TK152:

- *Bên Nợ* : Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

- **Bên Có** : Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.
- **Số Dư Bên Nợ** : Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

Tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường" :

- **Bên Nợ** : Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường cuối kỳ.

- **Bên Có** : Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ

- **Số Dư Bên Nợ** : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị).

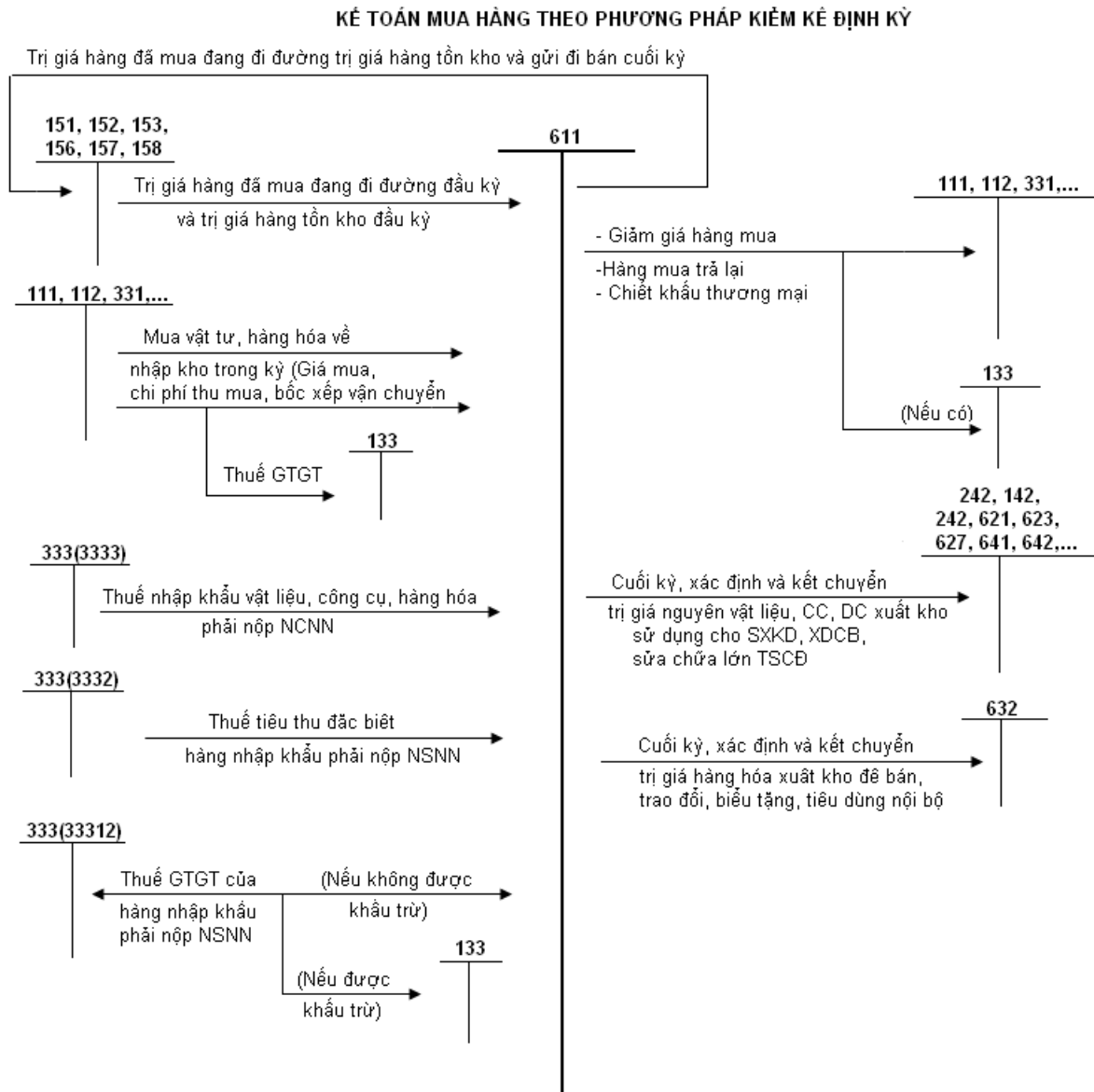
(Bộ Tài chính, 2009) [1].

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515...

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ số 1.5: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm nay phần giá trị có khả năng bị giảm xuống thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là biện pháp đề phòng những thiệt hại có thể xảy đến trong tương lai gần do hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, hàng bán bị trả lại..., đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập bảng cân đối kế toán cuối năm.

Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên những bằng chứng đáng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có ở thời điểm ước tính.

Đối với nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất sản phẩm thì không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn tổng chi phí sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà tổng chi phí sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cuối năm kế toán tiếp theo phải thực hiện đánh giá mới về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho cuối năm đó. Trường hợp cuối kỳ kế toán năm nay, nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập thấp hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn phải được hoàn nhập để ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm và để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá gốc (nếu giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cao hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối năm trước thì phải trích thêm cho đủ số cần phải có

để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá trị thuần có thể thực hiện được. (Bộ Tài chính, 2009) [3].

***Tài khoản sử dụng:**

☞ TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”:

- *Bên nợ*: Khoản nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu số phải lập nhỏ hơn số đã lập của năm trước)

- *Bên có*: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải trích lập thêm (nếu số phải lập lớn hơn số đã lập năm trước)

- *Số dư bên có*: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho lúc cuối năm

***Định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh**

1. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán

Có TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho

2. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn nhỏ hơn, ghi:

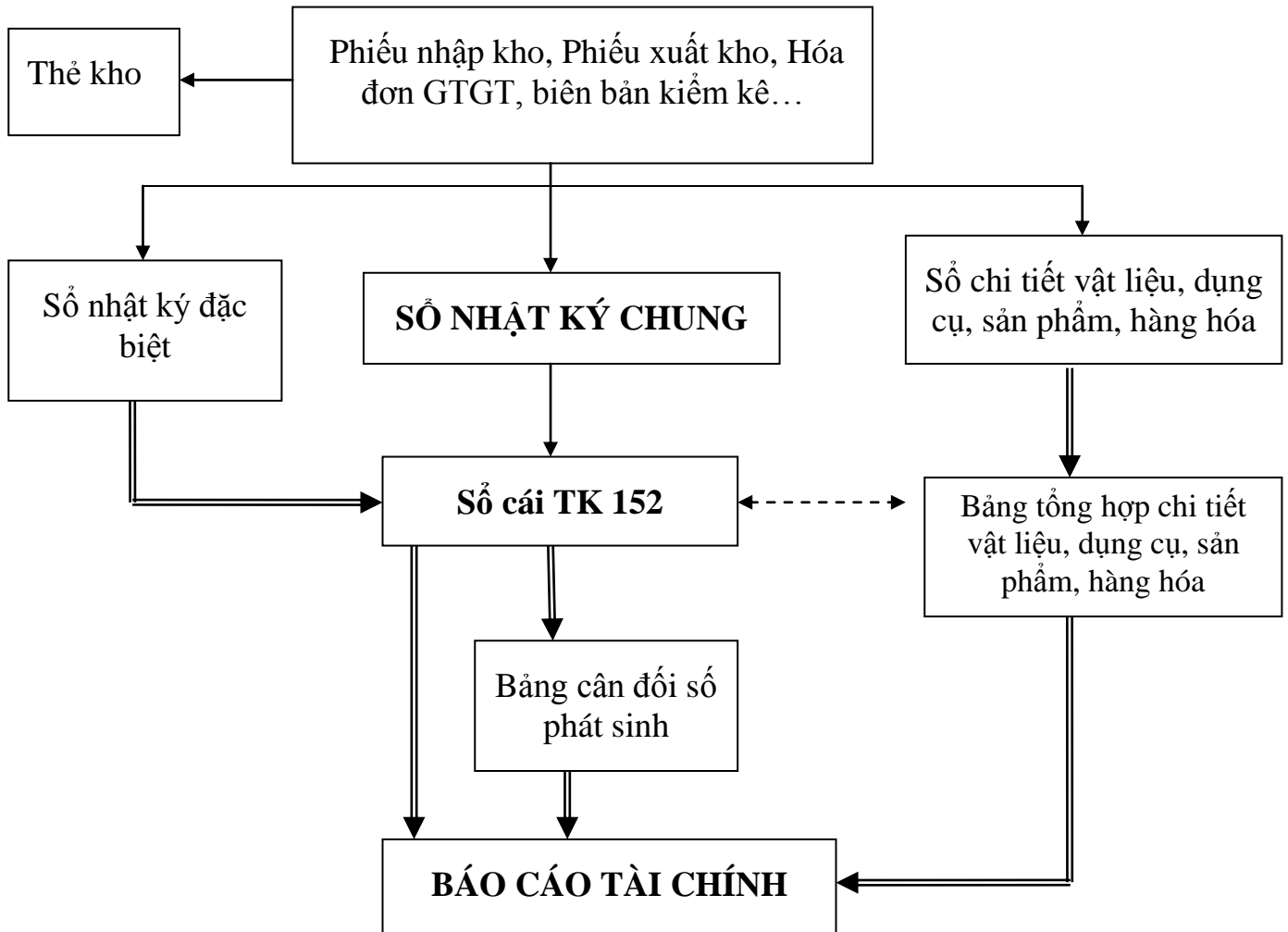
Nợ TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.5.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

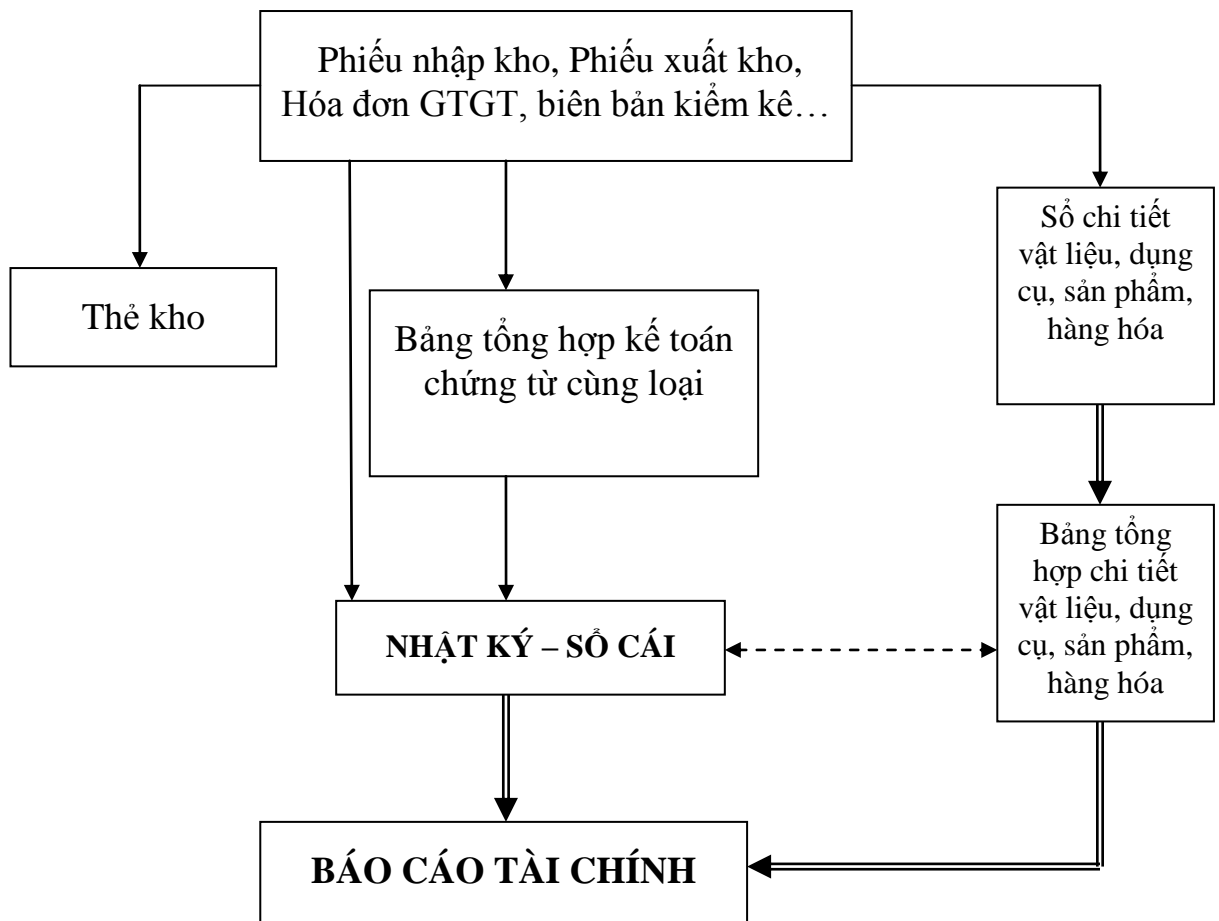
Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý): ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <- - - ->

(Bộ Tài chính, 2009) [2].

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

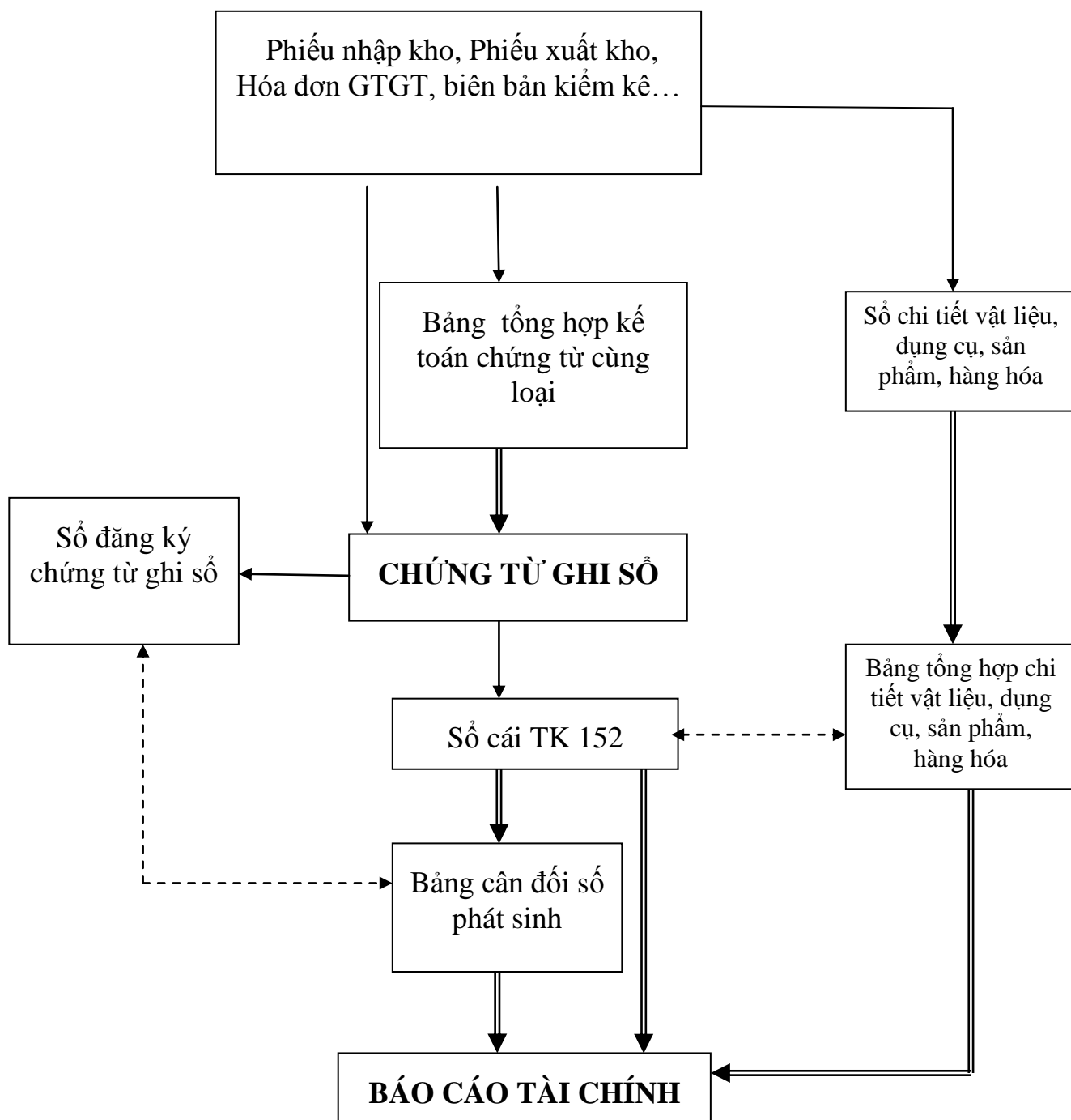
Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu: <- - - ->

(Bộ Tài chính, 2009) [2].

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

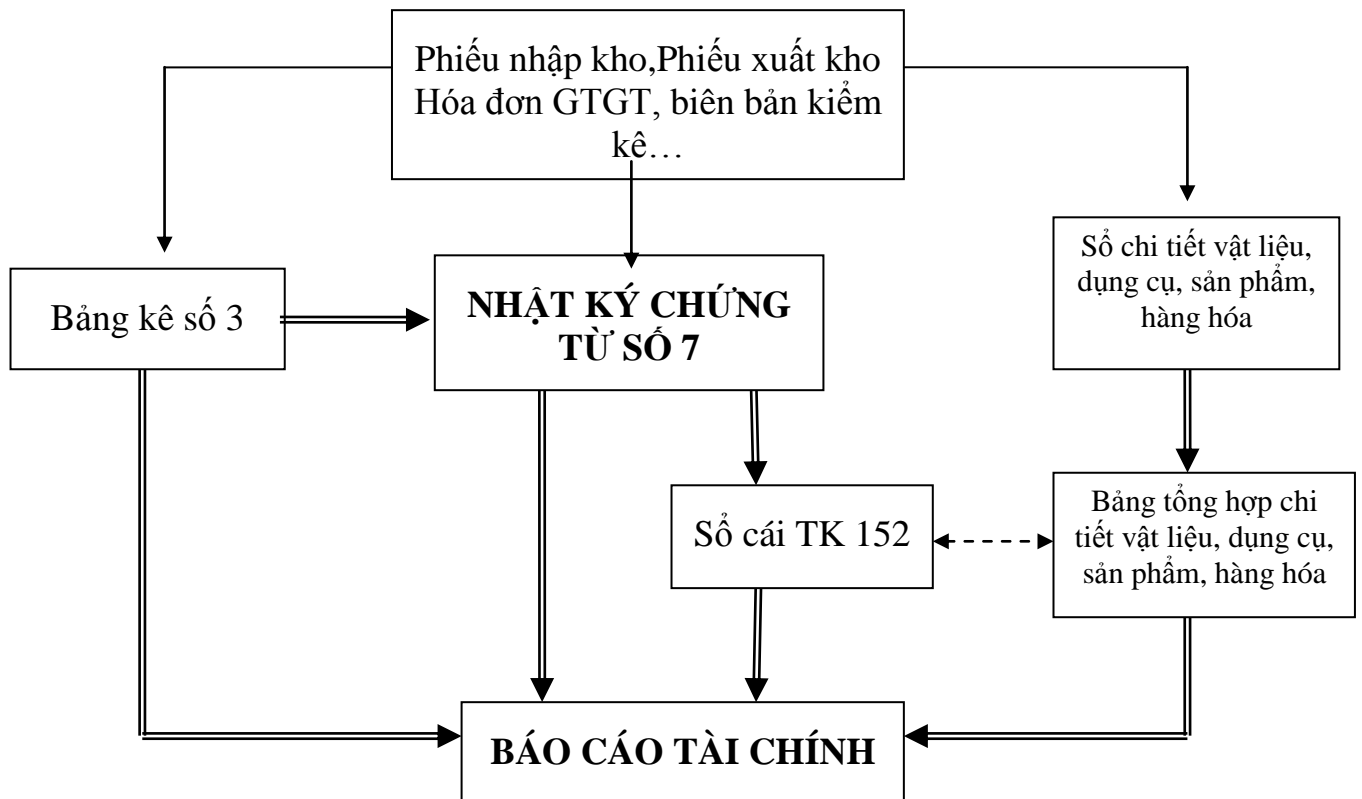
Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

(Bộ Tài chính, 2009) [2].

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

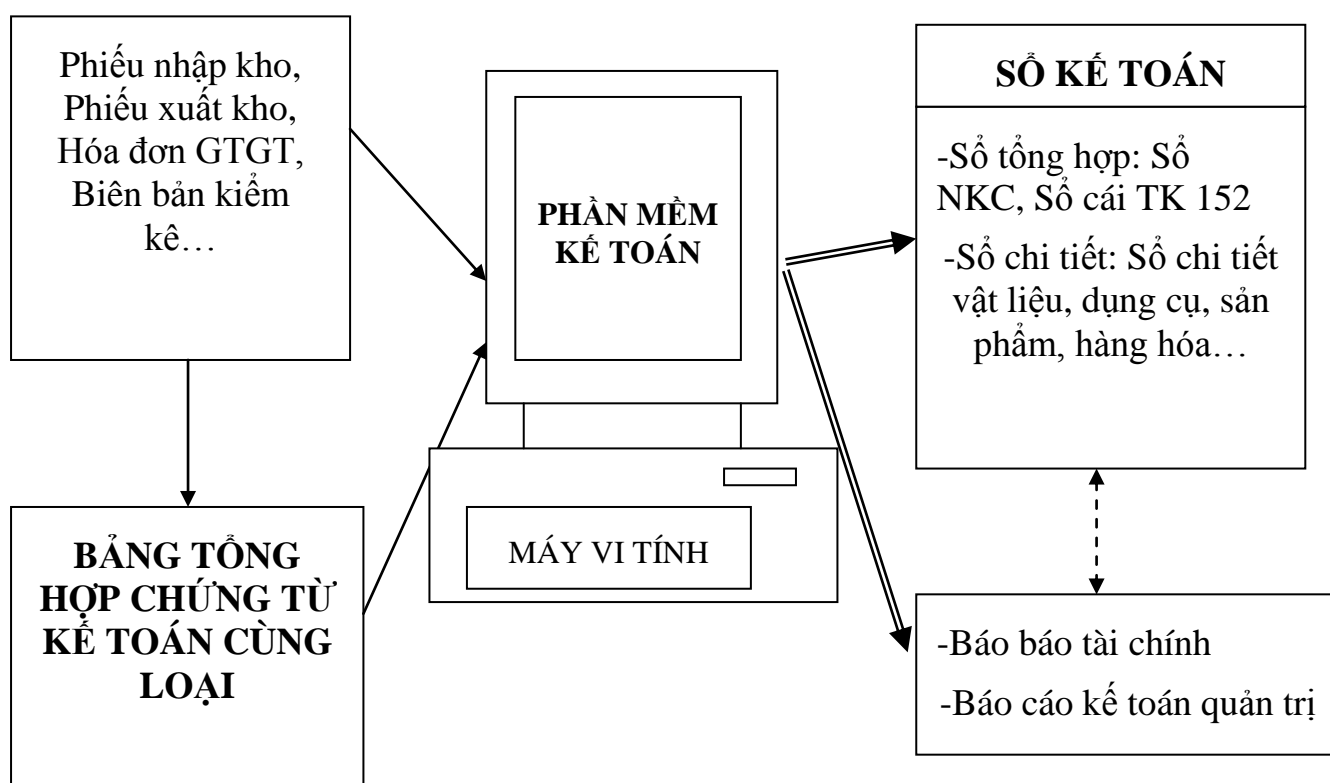
Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

(Bộ Tài chính, 2009) [2].

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

(Bộ Tài chính, 2009) [2].

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

2.1.1 Lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghiệp nhựa Phú Lâm
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần
- Mã số thuế: 0200.109.445
- Địa chỉ trụ sở: Km9 phố Phạm Văn Đồng-phường Hải Thành-quận Dương Kinh-thành phố Hải Phòng
- Tel: 0313.860.399
- Fax: 0313.860.373

Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm là doanh nghiệp có vốn 100% nước ngoài, được bộ Kế Hoạch Đầu Tư Hải Phòng cấp giấy phép đầu tư số 1946/GP ngày 12/07/1997.

Qua nhiều lần điều chỉnh và cổ phần hóa nay được UBND thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đầu tư số 021033000101 ngày 30/06/2008.

Trải qua quá trình động thổ, xây dựng nhà xưởng, chiêu mộ nhân tài, mua sắm lắp đặt trang thiết bị đến tháng 1/1999 thiết bị dây chuyền đầu tiên chạy thử thành công, thuận lợi.

Để tạo ra sản phẩm mới, công ty không ngừng đầu tư mở rộng lắp đặt thiết bị công nghệ mới, đến tháng 3/2000 dây chuyền 2 chính thức đưa vào hoạt động.

Với mô hình kinh doanh chuyên nghiệp, phối hợp với yêu cầu của khách hàng, công ty khai thác sản phẩm và liên tục nâng cao cải tiến sản phẩm nên thành tích kinh doanh ngày càng ổn định.

Đến tháng 1/2003 công ty nhận được Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế ISO 9001 của SGS.

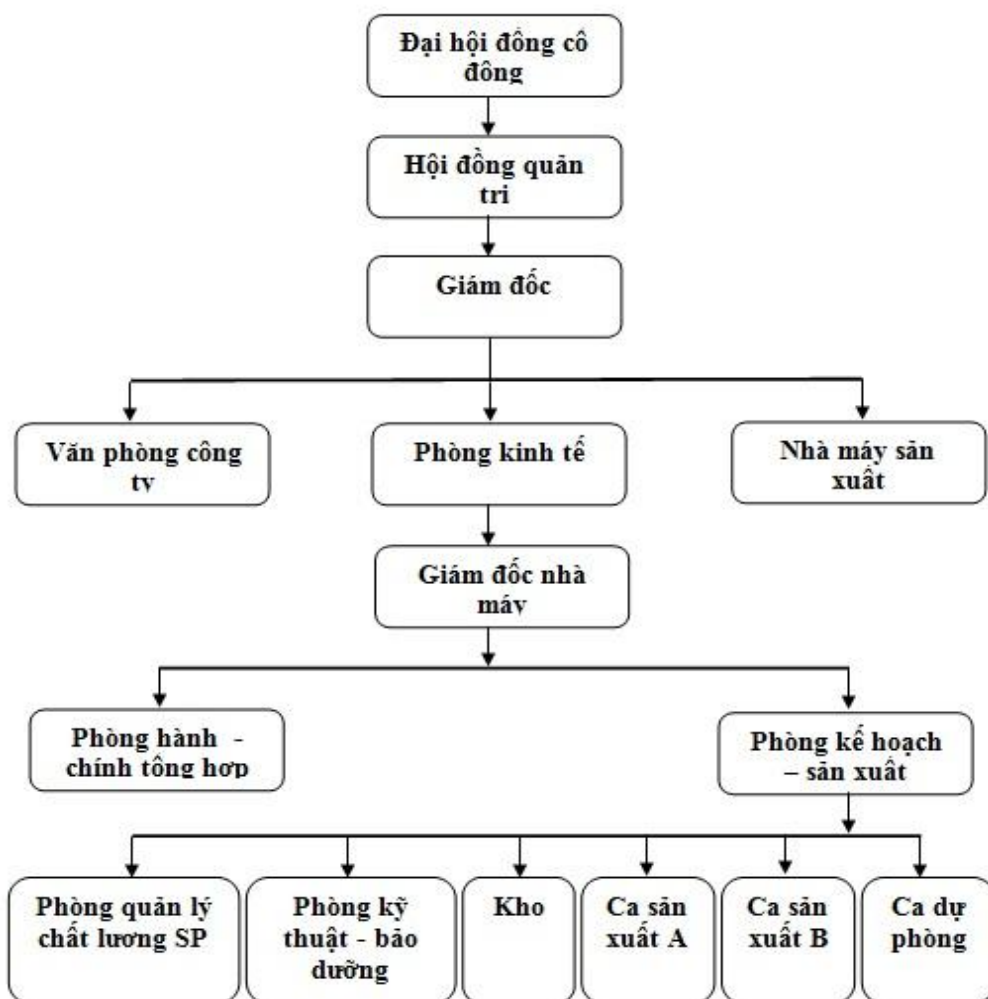
Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm chuyên sản xuất các mặt hàng vải giả da, màng nhựa PVC cung cấp cho các nhà xưởng để sản xuất ghế sofa, áo mưa, cặp túi, giày dép, đồ gia dụng...

2.1.2 Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

Công ty Cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm thực hiện quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng: Đứng đầu Công ty là Hội đồng quản trị, tiếp đó là giám đốc quản lý điều hành hoạt động của công ty và giúp việc cho Giám Đốc có các phòng ban:

- Khối văn phòng
- Phòng kinh tế
- Nhà máy sản xuất

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

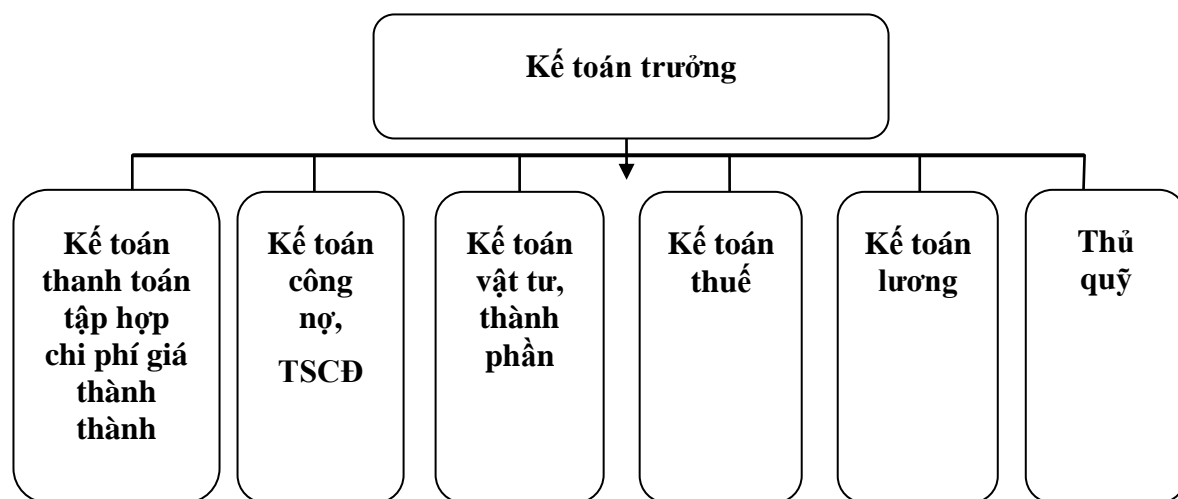


2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm là một đơn vị hạch toán độc lập. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung. Theo mô hình này toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tại bộ phận kế toán thuộc phòng kinh tế của công ty. Đứng đầu là Trưởng phòng phụ trách kế toán – tài vụ kiêm kế toán trưởng và các nhân viên kế toán đảm nhiệm các phần hành kế toán

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm



2.1.3.3 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Niên độ kế toán của công ty là 1 năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập các báo cáo tài chính của công ty.

- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng

- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

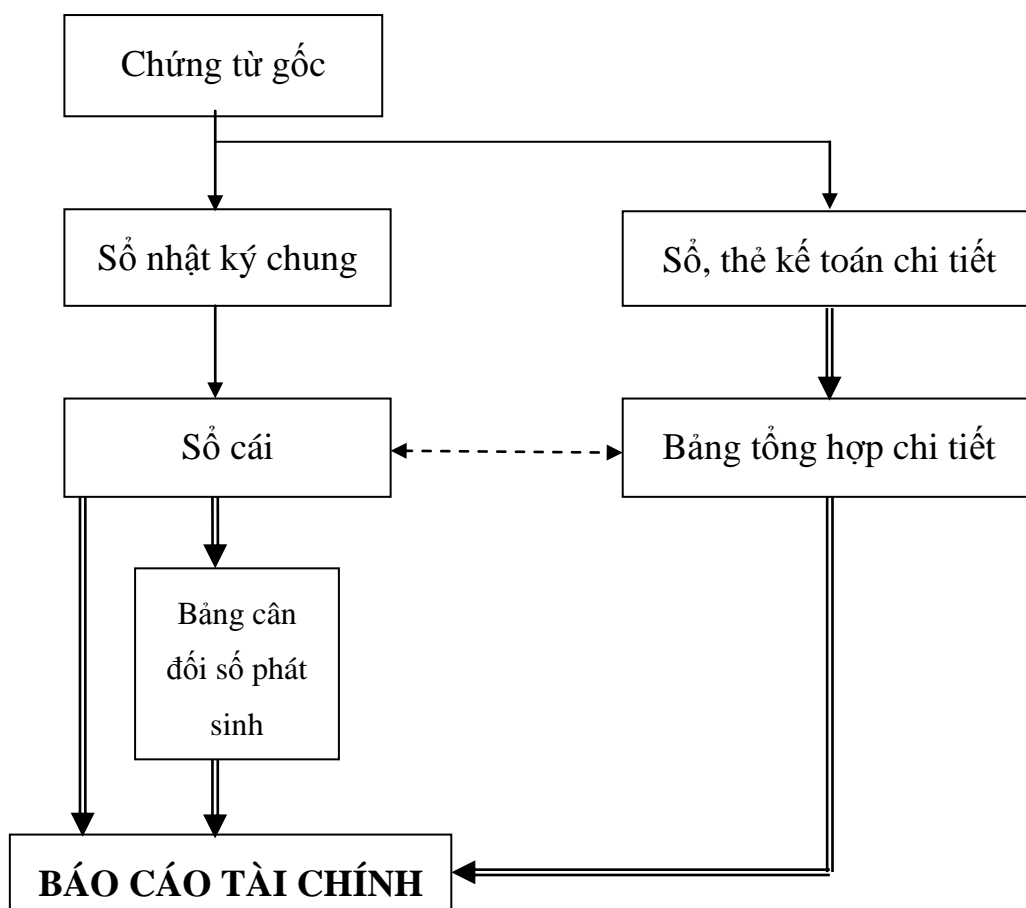
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được thiết lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của xí nghiệp gồm có: Nhật ký chung; Sổ cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính

Hệ thống Báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN),
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN),
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN),
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN).

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

2.2.1 Đặc điểm, phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty

2.2.1.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu

Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm là công ty sản xuất với số lượng lớn, đa dạng về chủng loại. Do đó vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm cũng rất đa dạng về chủng loại. Thực tế đó đặt ra cho công ty những yêu cầu cấp thiết trong công tác quản lý, hạch toán các quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu.

Do nhu cầu kế hoạch sản xuất là rất linh động nên sự biến động của vật liệu là thường xuyên liên tục. Vì vậy, để quản lý chặt chẽ và có hiệu quả, cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Căn cứ vào vai trò và tác dụng của vật liệu trong sản xuất, vật liệu sử dụng tại công ty được chia thành các loại sau:

- Vật liệu chính: gồm các loại hạt, da tự nhiên các loại, giả da các loại
- Vật liệu phụ: gồm bột màu, sơn các loại...
- Nhiên liệu: Điện, xăng, dầu công nghiệp...
- Văn phòng phẩm: Giấy, mực in, bút bi, máy tính... các đồ dùng phục vụ cho công tác văn phòng.
- Bao bì đóng gói: hộp con, hộp carton, bao PP, túi PE.
- Phế liệu: phế liệu được nhập từ sản xuất là loại hư hỏng, kém

Cách phân loại này nói chung là phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, công ty vẫn chưa xây dựng sổ danh điểm vật tư và việc đặt mã hiệu để quản lý vật tư chưa theo một tiêu thức nào cả nên gây nhiều khó khăn cho hạch toán chi tiết vật tư.

Nguyên vật liệu tại công ty được tính theo nguyên tắc giá thực tế (giá gốc) theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành. Nguyên vật liệu của công ty chủ yếu là mua trong nước.

2.2.1.2 Tính giá nguyên vật liệu tại công ty

❖ Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Tại công ty nguyên vật liệu nhập kho chủ yếu do mua ngoài:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua ghi trên hóa} & & \text{Chi phí thu} & & \text{Các khoản giảm giá,} \\ \text{NVL nhập kho} & = & \text{đơn của người bán} & + & \text{mua thực tế} & - & \text{CKTM} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá ghi trên hóa đơn của người bán: là giá chưa có thuế
- Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...

❖ Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

*Mua hàng :

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực tế sử dụng các bộ phận và phân xưởng sẽ lập được nhu cầu sử dụng hàng hoá và vật tư, phụ tùng cho năm kế hoạch bao gồm : số lượng và yêu cầu về chất lượng, ký mã hiệu, thời hạn cần có, hãng sản xuất, thời gian và phương pháp đánh giá chất lượng số lượng nguyên vật liệu.

- Phòng vật tư : lập kế hoạch mua hàng năm trình Tổng Giám đốc duyệt. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng, dữ liệu mua, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các báo cáo tồn kho và đánh giá chất lượng lưu kho, các báo cáo đánh giá phản hồi chất lượng của nơi sử dụng, diễn biến của thị trường cung cấp giá cả.

-Căn cứ vào kế hoạch mua hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế phòng Kỹ thuật vật tư lập kế hoạch mua theo quý, tháng trình Tổng giám đốc trước 7 ngày và thực hiện mua hàng trước 2 ngày của quý, tháng kế hoạch.

- Tiếp nhận hàng :

+ Thông báo thời gian giao hàng : Nhân viên mua hàng thông báo tiếp nhận hàng để các bộ phận phối hợp. Nếu cần đề nghị về phương tiện vận tải xếp dỡ phải thông báo bằng văn bản trình Giám đốc Kỹ thuật vật tư hoặc trưởng phòng Vật tư ký để gửi tới các Bộ phận cùng phối hợp tiếp nhận hàng hoá.

+ Viết đề nghị nghiệm thu khi hàng về để hoàn tất thủ tục nhập kho. Phòng vật tư căn cứ vào đề nghị nghiệm thu làm thủ tục nhập kho. Nhân viên

mua hàng nhận và đảm nhận đã kiểm tra nội dung chứng từ và tính hợp pháp và đúng đắn chuyển cho nhân viên kế hoạch vật tư. Nhân viên kế hoạch vật tư tập hợp chứng từ, kiểm tra lại tính hợp lệ và hợp pháp đề nghị thanh toán trình trưởng phòng vật tư rồi chuyển sang bộ phận kế toán.

* Nhập kho, bảo quản, và đánh giá chất lượng :

- Nhập kho vật tư :

Thủ kho : Căn cứ vào hoá đơn, tiến hành nhập kho hàng hoá phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng, đơn hàng hoặc kết luận trong các biên bản nghiệm thu của xưởng sản xuất, cập nhật vào thẻ kho.

Nhân viên kế toán vật tư : Căn cứ bộ chứng từ trên viết phiếu nhập kho và nhập vào báo cáo chi tiết nhập xuất tồn nguyên vật liệu.

- Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành. Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.

- Phiếu nhập kho.

Trình tự nhập kho: Khi nguyên vật liệu về đến công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuốn

- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

- Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

❖ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

* Cách tính giá nguyên vật liệu xuất kho, kế toán đã áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập thứ } i}$$

Trị giá vật liệu xuất kho = Đơn giá bình quân x Số lượng vật liệu xuất kho

* Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ. Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu. Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuốn
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho
- Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

Ví dụ:

*Tồn đầu kỳ (1/6)= 830kg hạt màu, đơn giá 50.127đ/kg

*Nhập trong kỳ:

-Ngày 10/6 : nhập kho 1000kg hạt màu, đơn giá 45.900 đ/kg

Trị giá nhập kho = 1.000 x 45.900 = 45.900.000

-Ngày 12/6 : nhập kho 500kg hạt màu, đơn giá 45.900 đ/kg

Trị giá nhập kho = 500 x 45.900= 22.950.000

-Ngày 14/6 : xuất kho 350kg hạt màu theo phiếu xuất kho số 45/06

Giá xuất kho của 350kg hạt màu được tính như sau:

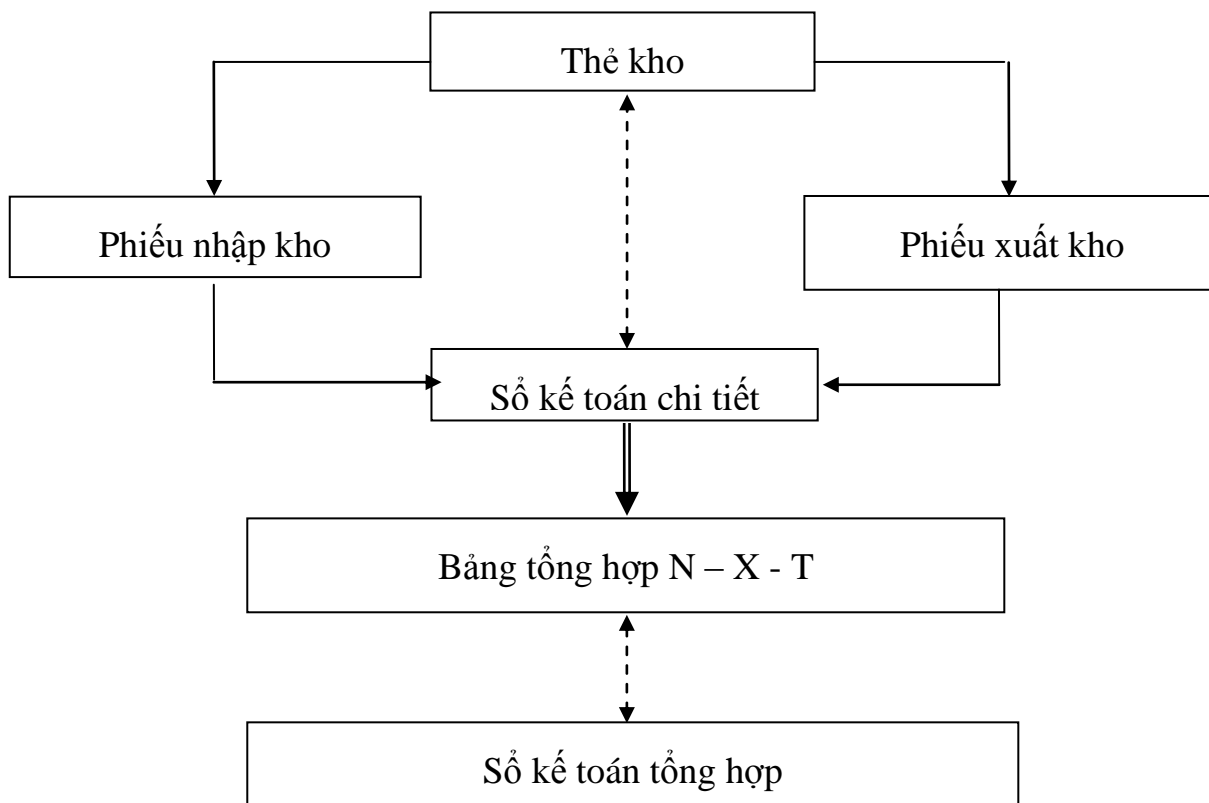
$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân của hạt màu} &= \frac{50.127 \times 830\text{kg} + 45.900 \times 1.000\text{kg} + 45.900 \times 500\text{kg}}{830\text{kg} + 1.000\text{kg} + 500\text{kg}} \\ &= 47.406^d/\text{kg} \end{aligned}$$

Trị giá 350 kg hạt màu xuất kho = 350 kg x 47.406 = 16.592.100 đ

2.2.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Vật liệu ở công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu. Kế toán chi tiết ở công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm đã lựa chọn theo phương pháp thẻ song song để quản lý tình hình biến động nguyên vật liệu.

Sơ đồ 2.4 . Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Ví dụ 1: Ngày 10 tháng 06 năm 2013 Công ty mua hạt màu của công ty TNHH Từ Sơn. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001857 (Biểu 2.1) và phiếu nhập số 24/06 (Biểu 2.2), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu 2.4), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu - hạt màu (biểu 2.5).

Ví dụ 2: Ngày 14/06, theo yêu cầu về xuất 350kg hạt màu từ phân xưởng chuyển lên đã được phê duyệt, kế toán làm thủ tục xuất hạt màu. Kế toán tính giá hạt màu xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn và viết phiếu xuất kho 45/06 (Biểu 2.3). Căn cứ vào phiếu xuất kho 45/06 (Biểu 2.3) thủ kho vào thẻ kho (Biểu 2.4), Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu - Hạt màu (Biểu 2.5).

Cuối tháng, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.6)

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT mua Hạt màu

HOÁ ĐƠN GTGT		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao người mua		Ký hiệu: AA/12P			
Ngày 10 tháng 06 năm 2013		Số: 0001857			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Từ Sơn.					
Địa chỉ: Số 536A Minh Khai, Hà Nội					
Mã số thuế: 0100236754					
Điện thoại:.....		Fax:			
Số tài khoản:.....		Ngân hàng:.....			
Họ tên người mua hàng: Đỗ Mạnh Hùng					
Tên đơn vị: Công ty CP Công nghiệp nhựa Phú Lâm.					
Địa chỉ: Hải Thành – Dương Kinh- Hải PHÒNG.					
Số tài khoản:.....		Ngân hàng:.....			
Hình thức thanh toán: CK		Mã số thuế: 0200109445			
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Hạt màu	Kg	1000	45.900	45.900.000
Cộng tiền hàng:					45.900.000
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT: 4.590.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					50.490.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn ./.					

Người mua hàng*(Ký, ghi rõ họ tên)***Người bán hàng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Thủ trưởng đơn vị***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]**

Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho hạt màu

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO Ngày 10 tháng 06 năm 2013

Nợ: TK 152

Số: 24/06

Có: TK 112

- Họ và tên người giao: Nguyễn Mạnh Thắng
- Theo: Hoá đơn GTGT số 0001857 ngày 10 tháng 06 năm 2013

Nhập tại kho: Nguyên vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt màu		Kg	1.000	1.000	45.900	45.900.000
	Cộng			1.000	1.000	45.900	45.900.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn năm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 Hoá đơn GTGT 0001857.

Ngày 10 tháng 06 năm 2013.

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Thủ trưởng đơn vị	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.3: Phiếu xuất kho hạt màu

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 06 năm 2013

Số: 45/06

Nợ: TK 621

Có: TK 152

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Mạnh Hùng.
- Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất.
- Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất.
- Xuất tại kho (ngăn lô): NVL

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Hạt màu		Kg	350	350	47.406	16.592.100
	Cộng			350	350	47.406	16.592.100

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn một trăm đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 14 tháng 06 năm 2013.

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.4: Trích Thẻ kho hạt màu

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/06/2013

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Hạt màu

Đơn vị tính: kg

ST T	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				Tồn đầu tháng				<u>2.130</u>
	04/06		PX12/06	Xuất kho hạt màu	04/06		800	1.330
	05/06		PX15/06	Xuất kho hạt màu	05/06		500	830
	10/06	PN24/06		Nhập kho hạt màu	10/06	1.000		1.830
	12/06	PN28/06		Nhập kho hạt màu	12/06	500		2.330
	14/06		PX45/06	Xuất kho hạt màu	14/06		350	1.980
							
	20/06	PN39/06		Nhập kho hạt màu	20/06	1.000		2.980
							
				Cộng phát sinh		4.500	3.170	
				Tồn cuối tháng				<u>3.460</u>

Ngày 29 tháng 06 năm 2013

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) của hạt màu

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2013

TK: 152 - Nguyên vật liệu

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Hạt màu

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu tháng 06							<u>2.130</u>	<u>106.770.510</u>
PX12/06	04/06	Xuất kho hạt màu	621	50.127			800	40.101.600	1.130	66.668.910
PX15/06	05/06	Xuất kho hạt màu	621	50.127			500	25.063.500	830	41.605.410
PN24/06	10/06	Nhập kho hạt màu	112	45.900	1.000	45.900.000			1.830	87.505.410
PX28/06	12/06	Nhập kho hạt màu	331	45.900	500	22.950.000			2.330	110.455.410
PX45/06	14/06	Xuất kho hạt màu	621	47.406			350	16.592.100	1.980	93.863.310
		...								
PN39/06	20/06	Nhập kho hạt màu	112	49.760	1.000	49.760.000			2.980	158.234.700
		...								
		Tổng số phát sinh			4.500	220.302.000	3.170	170.479.510		
		Số dư cuối tháng 06							<u>3.460</u>	<u>169.733.760</u>

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.6: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tháng 06/2013

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - HP

Mẫu số: S11-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/
QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**
Tài khoản : 152 – Nguyên liệu vật liệu
Tháng 06 năm 2013

STT	Tên vật tư	Đvt	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
I	Nhóm vật liệu chính									
1	Hạt Taican	kg	536	41.946.824	2.802	166.416.384	2.868	136.961.340	470	71.401.868
									
9	Hạt màu	kg	2.130	106.770.510	4.500	220.302.000	3.170	170.479.510	3.460	169.733.760
10	Da váng	kg	11.339,6	1.079.223.750,8	4.725,3	443.574.626,8	4.647,6	439.927.873,2	11.417,3	1.082.870.504,4
									
II	Nhóm vật liệu phụ									
1	Bột màu	kg	75	2.809.500	0	0	0	0	75	2.809.500
									
III	Nhóm phụ tùng									
1	Dao lam Croma	Cái	310	620.000	250	515.600	150	286.780	410	848.820
2	Bút thử	Cái	4	120.000	22	672.320	21	658.479	5	133.841
	Cộng			1.590.207.178		2.298.137.290		1.859.254.463		2.029.090.005

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

2.2.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp NVL. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng :

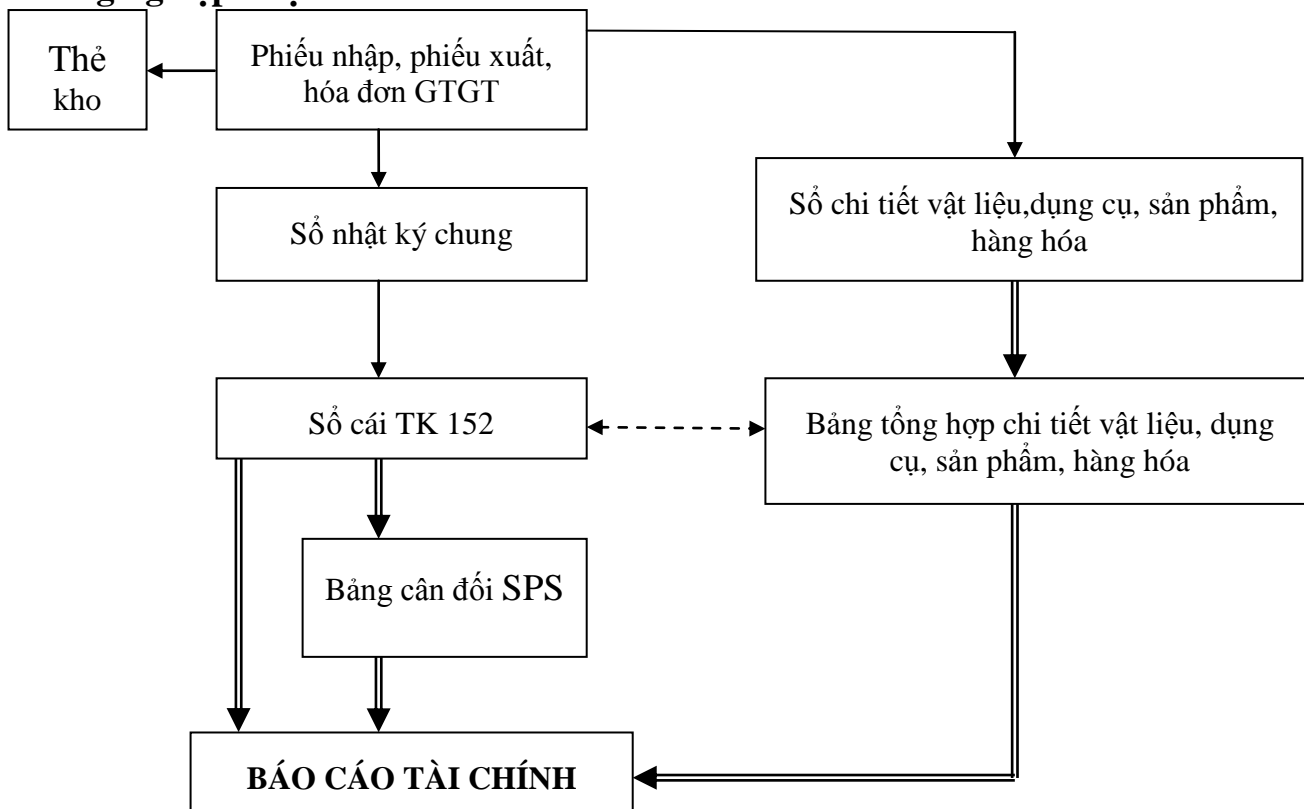
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác: Phiếu chi, Giấy báo nợ...

2.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng :

- TK 152 : Nguyên liệu, vật liệu.
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu \longleftrightarrow

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Lấy lại các nghiệp vụ ở phần kế toán chi tiết để ghi vào các sổ kế toán tổng hợp.

Ví dụ 3: Ngày 10 tháng 06 năm 2013 Công ty mua hạt màu của công ty TNHH Từ Sơn. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001857 (Biểu 2.7) và phiếu nhập 24/26 (Biểu 2.8), giấy báo Nợ (biểu 2.9), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (Biểu 2.12), và sổ cái các tài khoản khác liên quan.

Ví dụ 4: Ngày 14/06, xuất 350kg hạt màu cho sản xuất. Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.10), kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.11) và vào Sổ cái TK 152 (Biểu 2.12)

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT mua Hạt màu

	HOÁ ĐƠN GTGT Liên 2: Giao người mua Ngày 10 tháng 06 năm 2013	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/12P Số: 0001857
--	--	--

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Từ Sơn.**

Địa chỉ: Số 536A Minh Khai, Hà Nội

Mã số thuế: 0100236754

Điện thoại:..... Fax:

Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....

Họ tên người mua hàng: Đỗ Mạnh Hùng

Tên đơn vị: **Công ty CP Công nghiệp nhựa Phú Lâm.**

Địa chỉ: Hải Thành – Dương Kinh- Hải Phòng.

Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....

Hình thức thanh toán: CK Mã số thuế: **0200109445**

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Hạt màu	Kg	1000	45.900	45.900.000
Cộng tiền hàng:					45.900.000
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT: 4.590.000
					Tổng cộng tiền thanh toán: 50.490.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn ./.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.8: Phiếu nhập kho hạt màu

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 06 năm 2013

Nợ: TK 152

Số: 24/06

Có: TK 112

- Họ và tên người giao: Nguyễn Mạnh Thắng
 - Theo: Hoá đơn GTGT số 0001857 ngày 10 tháng 06 năm 2013
- Nhập tại kho: Nguyên vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt màu		Kg	1.000	1.000	45.900	45.900.000
	Cộng			1.000	1.000	45.900	45.900.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn năm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 Hoá đơn GTGT 0001857.

Ngày 10 tháng 06 năm 2013.

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Thủ trưởng đơn vị** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.9: Giấy báo nợ

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 10/06/2013

Kính gửi: Công ty Cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

Hôm nay chúng tôi đã ghi Nợ vào tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: 711A56027194

Số tiền bằng số: 50.490.000

Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

Nội dung: Thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH Từ Sơn theo hóa đơn GTGT số 0001857

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho hạt màu

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 06 năm 2013

Số: 45/06

Nợ: TK 621

Có: TK 152

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Mạnh Hùng.
- Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất.
- Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất.
- Xuất tại kho (ngăn lô): NVL

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Hạt màu		Kg	350	350	47.406	16.592.100
	Cộng			350	350	47.406	16.592.100

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn một trăm đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 15 tháng 06 năm 2013.

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.11: Trích sổ nhật ký chung tháng 06/2013

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG*Tháng 06 năm 2013*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
03/06	PC03/06	Tạm ứng cho nhân viên đi công tác	141 111	10.000.000	10.000.000
03/06	PX08/06	Xuất NVL chính cho sản xuất	621 152	3.454.500	3.454.500
03/06	PC04/06	Trả người bán vật tư bằng tiền mặt	331 111	1.619.640	1.619.640
			
10/06	HĐ 0001857	Mua hạt màu của công ty TNHH Từ Sơn thanh toán bằng TGNH	152 133 112	45.900.000 4.590.000	50.490.000
11/06	HĐ 0001860	Mua hạt nhựa tạo sợi của công ty XNK Thành Nam chưa thanh toán	152 133 331	81.800.000 8.180.000	89.980.000
				
14/06	PX45/06	Xuất hạt màu phục vụ sản xuất	621 152	16.592.100	16.592.100
				
15/06	PX48/06	Xuất hạt nhựa tạo sợi phục vụ sản xuất	621 152	114.919.000	114.919.000
			
		Cộng số phát sinh		51.275.698.252	51.275.698.252

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK 152

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 6		1.590.207.178	
					
03/06	PX 07/06	03/06	Xuất da văng cho sản xuất	621		74.800.000
03/06	PX 08/06	03/06	Xuất hạt tái chế cho sản xuất	621		35.368.000
03/06	PX 09/06	03/06	Xuất hạt Taican cho sản xuất	621		87.000.000
					
07/06	PX 17/06	07/06	Xuất da văng cho sản xuất	621		82.500.000
07/06	PX 18/06	07/06	Xuất da văng cho sản xuất	621		58.000.000
07/06	PX 19/06	07/06	Xuất hạt tạo sợi PP cho sản xuất	621		210.640.000
07/06	PX 20/06	07/06	Xuất hạt tạo sợi PP cho sản xuất	621		23.712.080
					
10/06	PN24/06	10/06	Nhập hạt màu thanh toán TGNH	112	45.900.000	
					
11/06	PN27/06	11/06	Nhập hạt PP chưa thanh toán	331	81.800.000	
14/06	PX 45/06	14/06	Xuất hạt màu cho sản xuất	621		16.592.100
15/06	PX 48/06	15/06	Xuất hạt tạo sợi PP cho sản xuất	621		114.919.000
			Tổng số phát sinh		2.298.137.290	1.859.254.463
			Số dư cuối tháng 6		2.029.090.005	

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm) [5]

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng và ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình.

Tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy việc tổ chức công tác kế toán nói chung, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài chính đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm có những ưu điểm và những hạn chế sau:

3.1.1 Ưu điểm

Cùng với sự phát triển của công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

**Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

****Về công tác quản lý nguyên vật liệu:***

+ Đối với công tác thu mua: Công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về số lượng cũng như quy cách chất lượng của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hẹn, kịp thời để công ty có thể sử dụng cho nhu cầu sản xuất sản phẩm được tiến hành liên tục.

+ Đối với công tác dự trữ, bảo quản: Công ty có một hệ thống kho được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với tính chất lý, hóa học của từng loại vật tư. Bên cạnh đó, với một đội ngũ cán bộ quản lý kho có tinh thần trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn cao, việc quản lý nguyên vật liệu ở công ty được thực hiện khá nề nếp, đảm bảo vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình trạng thất thoát vật tư, gây thiệt hại cho công ty.

+ Đối với công tác sử dụng: Công ty đã xây dựng được hệ thống định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng sản phẩm tương đối chính xác. Thông qua hệ thống định mức tiêu hao vật liệu, nguyên vật liệu sẽ được xuất kho sử dụng đúng mục đích, tránh thất thoát lãng phí nguyên vật liệu, do đó sẽ tiết kiệm được chi phí về nguyên vật liệu. Nhờ có định mức tiêu hao nguyên vật liệu, công ty có thể tính toán một cách hợp lý mức thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu

****Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán.***

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo nhanh chóng phản ánh tình hình biến động của công ty.

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, đồng thời trong điều kiện công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

****Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu:***

Công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Phương pháp này đã giúp công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu chính xác, kịp thời; là một lựa chọn đúng đắn của công ty. Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của công ty đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đã đề cập ở trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của công ty, còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục như sau:

****Công ty chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu:***

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty rất đa dạng và phong phú nhưng công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại

nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính đâu là nguyên vật liệu phụ. Do vậy công tác quản lý nguyên vật liệu chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Các nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán sau này.

**** Về việc luân chuyển chứng từ***

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

**** Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Sự biến động của giá cả của các loại vật tư trên thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuân thủ theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho vật tư ở công ty là rất cần thiết. Vì vậy công ty có thể nghiên cứu xem xét để có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định.

**** Về việc ứng dụng phần mềm***

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán. Nhưng máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót.

**** Về việc kiểm nghiệm chất lượng vật liệu nhập kho***

Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

3.2. Một số biện pháp về kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, đưa công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm ngày càng phát triển đi lên đòi hỏi

các nhà quản lý phải không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế còn tồn tại. Hạch toán kế toán là bộ phận cấu thành của công cụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, đồng thời cũng là công cụ đắc lực phục vụ cho Nhà nước trong quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh. Chỉ có dựa trên những thông tin trung thực, chính xác của kế toán mới giúp cho các nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, hữu hiệu nhất. Do đó việc nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải tuân thủ những yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

- Các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhưng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của các kế toán viên, tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp...) phải đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được. Đây cũng là một nhu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

3.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư:

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty rất đa dạng và phong phú nhưng công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính đâu là nguyên vật liệu phụ. Do vậy công tác quản lý nguyên vật liệu chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu, được theo dõi theo từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất. Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ không trùng lặp, thuận tiện, hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các nhóm nguyên vật liệu.
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi nhóm.
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu.

Sổ danh điểm vật liệu được mở theo tên gọi, quy cách nguyên vật liệu bằng hệ thống chữ số, đơn vị tính và giá hạch toán muốn mở được sổ này trước hết công ty phải xác định số danh điểm vật liệu thống nhất trong toàn công ty chứ không phải xác định tùy ý chỉ giữa kho và phòng kế toán. Sổ danh điểm vật tư còn cung cấp thông tin về giá trị vật liệu xuất, tồn kho bất cứ khi nào theo giá hạch toán. Bởi vì như đã nói ở trên, hạch toán chi tiết vật liệu ở công ty áp dụng phương pháp thẻ song song và việc tính giá xuất vật liệu theo phương pháp bình quân liên hoàn, như vậy việc mở sổ danh điểm vật tư sẽ góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán, xử lý nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý, điều chỉnh sản xuất kinh doanh.

Để lập sổ danh điểm vật tư công ty cần thực hiện theo những nguyên tắc sau:

+ Mã hóa vật tư theo cách phân loại ban đầu, xây dựng hệ thống mã phân cấp, mã gồm nhiều trường trong đó trường tận cùng bên trái mang đặc trưng chủ yếu nhất của loại nguyên vật liệu ấy.

Đối với nguyên vật liệu chính ta quy ước là 1521

Đối với nhóm vật liệu phụ ta quy ước là 1522

Đối với nhóm nhiên liệu ta quy ước là 1523

+ Khi cần thiết ta kéo dài mã về bên phải. Ví dụ nguyên vật liệu chính có khoảng 10 loại thì tên mỗi loại ta thêm hai chữ số mã hóa về bên phải đằng sau mã của nhóm cho đến hết 10 loại, sau đó lại thêm hai chữ số đằng sau số vừa mã hóa để chỉ tên của vật liệu chính trong từng loại. Như vậy ta sẽ có một hệ thống mã hóa thống nhất cho tất cả các loại vật tư sử dụng trong công ty, thuận tiện cho công tác quản lý, thu mua và bảo quản.

Qua nghiên cứu, tìm hiểu các loại vật liệu tại công ty em thấy công ty có thể xây dựng số danh điểm vật tư như sau:(biểu 3.1)

Biểu 3.1:**SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ**

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-01		Hạt		
		1521-01-01	Hạt màu	kg	
		1521-01-02	Hạt tái chế	kg	
		1521-01-03	Hạt Taican	kg	
			
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-01		Bột màu	kg	
				
	1522-02		Sơn		
		1522-02-01	Sơn 203 u/c	kg	
		1522-02-02	Sơn 142 u/c	kg	
			
			
1523			Nhiên liệu		
	1523-01		Dầu		
		1523-01-01	Dầu Diezen	lít	
		1523-02-01	Dầu nhòn	lít	
				

Mở sổ danh điểm vật liệu phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán, phòng kế toán cung ứng sau đó trình lên cơ quan chủ quản của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty. Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư thì việc theo dõi, kiểm tra vật tư được dễ dàng hơn rất nhiều và như vậy ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kịp thời để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất tránh được những tổn thất ngoài ý muốn.

3.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu 3.2

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm.....

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

3.2.3 Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá trị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Bộ tài chính ban hành thông tư 228/2009/TT-BTC tháng 12 năm 2009, quy định về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

-Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu dùng cho sản xuất (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

+ Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

-Phương pháp lập dự phòng: Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính). Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

-Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

-Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư tại công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của công ty hiện có so với giá thị trường.

Ví dụ: Cuối năm 2013 giá hạt nhựa tái chế trên thị trường chỉ còn 30.000đồng/kg. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty là 31.230đồng/kg, trong kho còn dự trữ 5.210kg, khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho vật liệu này.

Mức giảm giá hạt nhựa tái chế: $31.230 - 30.000 = 1.230$ đồng/kg

Mức trích lập dự phòng : 1.230 (đồng) x 5.210 (kg) = $6.408.300$ (đồng)

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu

Biểu số 3.3

BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm 2013

Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá ghi sổ	Đơn giá thực tế	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Hạt nhựa tái chế		kg	5.210	31.230	30.000	1.230	6.408.300
Hạt nhựa trắng ngà		kg	3.218	68.900	67.800	1.100	3.539.800
Hạt Taican		kg	2.648	32.500	31.800	700	1.853.600
Cộng							11.801.700

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 11.801.700

Có TK 159: 11.801.700

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản có liên quan.

3.2.4 Hoàn thiện việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho

Trong môi trường phát triển kinh tế hội nhập hiện nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính chất quốc tế đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì chất lượng nguyên vật liệu trở thành một trong những chiến lược quan trọng nhất làm tăng năng lực cạnh của doanh nghiệp. Quan tâm tới chất lượng, quản lý chất lượng nguyên vật liệu chính là một trong những phương thức tiếp cận và tìm cách đạt được những thắng lợi trong sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty. Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

Vì vậy công ty nên lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách chất lượng nguyên vật liệu nhập kho cũng như quản lý chất lượng trong quá trình bảo quản và sử dụng, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

Biểu số 3.4

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Mẫu số: 03-VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày...tháng...năm...

Số:

-Căn cứ:số:ngày.....tháng.....năm.....của.....

-Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện:..... Trưởng ban

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện: Ủy viên

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư(sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....

Đại diện kĩ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

3.2.5. Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hóa công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa, việc áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng cho tất cả các phần hành kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay

1. Phần mềm kế toán MISA

*Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở Misa mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

*Nhược điểm:

- Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.
- Giá: 9,950,000



2. Phần mềm kế toán Fast Accounting

*Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

Giá: 12.000.000^d



3. Phần mềm ACsoft

*Ưu điểm:

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, tốc độ xử lý nhanh. Ít tốn tài nguyên máy.

*Nhược điểm

- Bảo mật chưa cao, thường xảy ra lỗi, hỗ trợ một hình thức kế toán (Nhật ký chung), một phương pháp tính giá xuất kho (bình quân di động).

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu năm 2013 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo quyết định 15/ 2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006.

+ Về công tác kế toán nguyên vật liệu khoa học, phù hợp với quy trình sản xuất, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình sản xuất.

- Hạn chế:

+ Công ty chưa xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư khoa học gây khó khăn cho việc theo dõi, kiểm tra và quản lý nguyên vật liệu

+ Công ty chưa áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

+ Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban công ty chưa lập Sổ giao nhận chứng từ

+ Công ty chưa lập biên bản kiểm nghiệm vật tư trước khi làm thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm, cụ thể:

- Công ty nên lập Sổ danh điểm vật tư để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán khi công ty hiện đại hóa công tác kế toán

- Công ty nên lập Sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận để tránh xảy ra mất mát, nhầm lẫn, bỏ sót khi giao nhận chứng từ

- Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho số vật liệu bị giảm giá trong năm theo đúng chế độ kế toán

- Công ty nên hiện đại hóa công tác kế toán

- Công ty nên lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách chất lượng nguyên vật liệu nhập kho cũng như quản lý chất lượng trong quá trình bảo quản và sử dụng, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

Các kiến nghị đưa ra đều xuất phát từ thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty và hy vọng sẽ góp phần giúp công ty nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguyên vật liệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2009), *Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*
4. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*
5. Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm (2013), *Sổ sách kế toán Công ty*.